

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Đức Nhật	Thành viên
Bà Phan Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Na	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
Bà Phùng Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Sỹ Tiệp – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,





Vương Đức Nhật
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Số: 081202/2025/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30/06/2025 và ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền lần lượt là 381.141.108.033 đồng và 389.229.813.381 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Kết luận của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh trên.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.651.521.888	235.613.626.868
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.044.824.979	851.151.695
1. Tiền	111	V.1	1.044.824.979	851.151.695
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.349.885.372	110.299.913.395
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	123.129.841.300	96.965.219.956
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.244.451.552	14.282.891.375
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	824.840.500	901.050.044
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.849.247.980)	(1.849.247.980)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	171.341.620.044	123.860.293.571
1. Hàng tồn kho	141		171.341.620.044	123.860.293.571
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.915.191.493	602.268.207
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V10a	6.624.757.563	602.268.207
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.290.433.930	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.367.765.410.921	1.421.116.551.425
I. Tài sản cố định	220		1.226.310.615.593	1.267.391.308.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.226.310.615.593	1.267.391.308.406
- Nguyên giá	222		2.053.901.101.615	2.047.428.101.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(827.590.486.022)	(780.036.793.041)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		152.715.000	152.715.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.715.000)	(152.715.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		141.454.795.328	153.725.243.019
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	141.454.795.328	153.725.243.019
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.695.416.932.809	1.656.730.178.293

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		999.638.447.710	963.193.645.769
I. Nợ ngắn hạn	310		708.792.629.921	624.843.440.249
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	177.120.427.581	218.461.488.611
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	19.257.396.735	760.076.582
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.895.126.107	6.608.571.671
4. Phải trả người lao động	314		4.233.956.719	4.245.659.960
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11a	544.534.501	10.549.294.515
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.797.996.702	1.395.770.602
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	496.943.191.576	382.822.578.308
II. Nợ dài hạn	330		290.845.817.789	338.350.205.520
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	35.181.907.540	31.687.765.960
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.11b	801.344.973	22.478.671.457
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	254.862.565.276	284.183.768.103
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		695.778.485.099	693.536.532.524
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	695.778.485.099	693.536.532.524
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		578.390.000.000	578.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		578.390.000.000	578.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.405.713.000	7.405.713.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.383.458.551	59.383.458.551
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.811.263	1.811.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.597.502.285	48.355.549.710
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.355.549.710	35.858.836.354
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.241.952.575	12.496.713.356
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.695.416.932.809	1.656.730.178.293


Phạm Tiên Hiểu
Người lập
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025


Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng


Vương Đức Nhật
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		536.621.717.203	590.504.859.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	154.351.848
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	536.621.717.203	590.350.507.646
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	485.813.356.020	530.353.320.514
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.808.361.183	59.997.187.132
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.796.861	31.965.067
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.198.540.907	34.203.359.663
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.171.266.235	32.817.029.324
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.250.108.937	3.908.321.810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.590.632.106	17.950.956.244
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.787.876.094	3.966.514.482
11. Thu nhập khác	31		4	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.615.006.018	452.575.105
13. Lợi nhuận khác	40		(2.615.006.014)	(452.575.105)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.172.870.080	3.513.939.377
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2.930.917.505	962.372.896
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.241.952.575	2.551.566.481
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	39	44
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	39	44



Phạm Tiên Hiếu

Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Vương Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.172.870.080	3.513.939.377
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	62.236.016.982	61.954.806.737
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.025.465.672	1.365.019.135
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.217.023.094	(4.558.474)
Chi phí lãi vay	06	20.171.266.235	32.817.029.324
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	89.822.642.063	99.646.236.099
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(43.260.405.907)	(53.054.693.450)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(47.481.326.473)	77.032.841.646
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(18.981.217.227)	(47.922.638.921)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.874.390.599)	(7.803.711.504)
Tiền lãi vay đã trả	14	(51.853.352.733)	(35.189.723.549)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.449.336.277)	(3.539.125.369)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(79.077.387.153)	29.169.184.952
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.547.146.865)	(1.437.500.000)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
3. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.796.861	4.558.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.528.350.004)	(1.432.941.526)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	494.318.400.965	563.065.543.903
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(409.518.990.524)	(598.763.761.928)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	84.799.410.441	(35.698.218.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	193.673.284	(7.961.974.599)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	851.151.695	8.641.327.115
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.044.824.979	679.352.516

Phạm Tiến Hiếu
Người lập

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Vương Đức Nhật
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 cấp ngày 27 tháng 02 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 578.390.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tương đương 57.839.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker và vật liệu xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

6. Nhân viên

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 255 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 271 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 30/06/2025 và 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền lần lượt là 381.141.108.033 đồng và 389.229.813.381 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện bao gồm:

- Phát huy công suất Nhà máy Xi măng Nam Sơn sau cải tạo tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đồng thời cải tạo môi trường tại Nhà máy trở nên xanh sạch đẹp, tăng sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí.
- Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất xi măng, đội ngũ lãnh đạo sáng tạo và đội ngũ nhân viên dày dặn kinh nghiệm, Công ty sẽ cố gắng tạo ra những sản phẩm tốt, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh.
- Các cổ đông của Công ty sẵn sàng cam kết hỗ trợ khi Công ty gặp tình trạng khó khăn. Trong năm 2025, ông Nguyễn Sỹ Tiếp đã cho Công ty vay vốn không tính lãi với số tiền 2.615.000.000 đồng.
- Công ty đã và đang tiếp tục đàm phán, giãn tiến độ thanh toán với một số nhà cung cấp, tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác để duy trì hoạt động liên tục của doanh nghiệp.
- Thêm vào đó, kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây đều có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
-

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phóng phải thu khó đòi.

Dự phóng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phóng phải thu khó đòi.

Dự phóng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phóng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	06 - 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	Năm khấu hao
Phần mềm kế toán	02

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II, các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

Lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty bị sáp nhập. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó. Theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	38.592.680	603.431.289
Tiền gửi ngân hàng	1.006.232.299	247.720.406
Cộng	1.044.824.979	851.151.695

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam (*)	2.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-

- (*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 316704060000069 ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam số tiền là 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,6%/năm, kỳ hạn 3 tháng. Hợp đồng tiền gửi đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 500/25MB/HDTD ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	76.567.927.561	43.348.642.522
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thiên Nhật	14.581.586.816	13.774.284.580
Công ty Xây dựng Hoàng Hải	14.437.268.636	10.904.132.636
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hùng Vương Thủ Đức	10.594.413.239	10.594.413.239
Phải thu khách hàng khác	6.948.645.048	18.343.746.979
Cộng	123.129.841.300	96.965.219.956
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	76.567.927.561	43.348.642.522

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Đạt	7.723.118.555	-
Công ty Cổ phần Dâu tằm tơ và Dệt may Mỹ Đức	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Yellow ANT	4.168.341.140	4.168.341.140
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	2.859.026.200	563.646.500
Nhà cung cấp khác	2.493.965.657	4.550.903.735
Cộng	22.244.451.552	14.282.891.375

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tạm ứng	24.840.500	101.050.044
Phải thu khác	800.000.000	800.000.000
Cộng	824.840.500	901.050.044

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	800.000.000	-	(800.000.000)	800.000.000	-	(800.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	682.936.000	-	(682.936.000)	682.936.000	-	(682.936.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Đo đạc địa chính Hà Nội	200.000.000	-	(200.000.000)	200.000.000	-	(200.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiết bị Ánh Dương	166.311.980	-	(166.311.980)	166.311.980	-	(166.311.980)
Cộng	1.849.247.980	-	(1.849.247.980)	1.849.247.980	-	(1.849.247.980)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	121.603.223.533	-	103.277.008.352	-
Công cụ, dụng cụ	345.659.859	-	388.006.475	-
Thành phẩm	49.392.736.652	-	20.195.278.744	-
Cộng	171.341.620.044	-	123.860.293.571	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu kỳ	690.751.504.809	1.328.926.890.116	25.567.445.925	1.692.970.597	489.290.000	2.047.428.101.447
Mua trong kỳ	-	9.848.795.190	500.000.000	-	-	10.348.795.190
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.875.795.022)	-	-	(3.875.795.022)
Tại ngày cuối kỳ	690.751.504.809	1.338.775.685.306	22.191.650.903	1.692.970.597	489.290.000	2.053.901.101.615
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu kỳ	227.513.503.683	535.914.381.273	15.348.566.443	894.624.350	365.717.292	780.036.793.041
Khấu hao trong kỳ	14.311.249.140	33.780.822.378	1.914.053.196	96.600.000	10.943.334	50.113.668.048
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.559.975.067)	-	-	(2.559.975.067)
Tại ngày cuối kỳ	241.824.752.823	569.695.203.651	14.702.644.572	991.224.350	376.660.626	827.590.486.022
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	463.238.001.126	793.012.508.843	10.218.879.482	798.346.247	123.572.708	1.267.391.308.406
Tại ngày cuối kỳ	448.926.751.986	769.080.481.655	7.489.006.331	701.746.247	112.629.374	1.226.310.615.593

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.224.047.240.559 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.266.189.820.510 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 25.427.313.184 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 23.712.782.378 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát cân với tổng nguyên giá là 152.715.000 đồng đã hết khấu hao.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	2.884.741.436	163.000.007
Chi phí bảo hiểm	886.211.704	439.268.200
Chi phí trả trước khác	2.853.804.423	-
Cộng	6.624.757.563	602.268.207
b) Dài hạn		
Lợi thế thương mại khi sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II (*)	141.427.404.285	153.549.753.219
Chi phí trả trước khác	27.391.043	175.489.800
Cộng	141.454.795.328	153.725.243.019

- (*) Lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm sáp nhập Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II (ngày 30 tháng 04 năm 2021) là 242.446.978.735 đồng, được Công ty ước tính phân bổ trong vòng 10 năm.

Khoản lợi thế thương mại này được hình thành khi giá phí hợp nhất lớn hơn giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II tại thời điểm sáp nhập. Cụ thể:

- + Giá phí hợp nhất: 403.500.000.000 đồng.
- + Giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II tại thời điểm sáp nhập: 161.053.021.265 đồng.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	544.534.501	624.575.915
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	-	9.924.718.600
Cộng	544.534.501	10.549.294.515
b) Dài hạn		
Chi phí lãi vay	801.344.973	22.478.671.457
Cộng	801.344.973	22.478.671.457
Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	801.344.973	22.478.671.457

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	32.459.784.304	32.459.784.304	-	-
Công ty TNHH Phát triển đầu tư Hoàng Quân	32.446.070.827	32.446.070.827	49.761.640.946	49.761.640.946
Công ty Cổ phần Cát Hải	23.283.944.216	23.283.944.216	15.411.599.146	15.411.599.146
Phải trả người bán ngắn hạn khác	88.930.628.234	88.930.628.234	153.288.248.519	153.288.248.519
Cộng	177.120.427.581	177.120.427.581	218.461.488.611	218.461.488.611
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	20.470.718.048	20.470.718.048	16.791.032.160	16.791.032.160
Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd	14.711.189.492	14.711.189.492	14.896.733.800	14.896.733.800
Cộng	35.181.907.540	35.181.907.540	31.687.765.960	31.687.765.960
Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	20.470.718.048	20.470.718.048	16.791.032.160	16.791.032.160

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Đồng	18.436.213.632	-
Các khách hàng khác	821.183.103	760.076.582
Cộng	19.257.396.735	760.076.582

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp, bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.492.082.841	43.386.254.792	43.872.293.534	1.978.121.583
Thuế thu nhập cá nhân	-	52.192.038	52.192.038	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.111.962.916	2.930.917.505	1.449.336.277	4.630.381.688
Thuế tài nguyên	66.000	390.000	392.400	68.400
Thuế đất, tiền thuê đất	1.291.014.350	1.291.014.350	-	-
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	-	745.692.571	745.692.571	-
Cộng	8.895.126.107	48.406.461.256	46.119.906.820	6.608.571.671

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	807.859.711	584.299.711
Bảo hiểm xã hội	449.418.100	4.739.657
Các khoản phải trả, phải nộp khác	540.718.891	806.731.234
Cộng	1.797.996.702	1.395.770.602

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ ngắn hạn	480.847.191.576	480.847.191.576	412.532.477.065	298.867.863.797	367.182.578.308	367.182.578.308
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	178.306.184.365	178.306.184.365	105.797.932.888	111.505.925.164	184.014.176.641	184.014.176.641
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (b)	94.570.245.685	94.570.245.685	94.570.245.685	75.000.000.000	75.000.000.000	75.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam (c)	58.655.836.077	58.655.836.077	62.858.773.043	63.125.642.305	58.922.705.339	58.922.705.339
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (d)	49.305.525.449	49.305.525.449	49.305.525.449	49.236.296.328	49.236.296.328	49.236.296.328
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (e)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	9.400.000	9.400.000	-	-	9.400.000	9.400.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại thuyết minh V.17)	16.096.000.000	16.096.000.000			15.640.000.000	15.640.000.000
Cộng	496.943.191.576	496.943.191.576			382.822.578.308	382.822.578.308

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/2745062/HĐTD ngày 26 tháng 02 năm 2025. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 184.000.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng cầm cố được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng hạn mức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN (TIẾP THEO)

- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-7277-01 ngày 18 tháng 06 năm 2025. Giá trị của hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng hạn mức. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh theo quy định của VPBank (trừ bảo lãnh vay vốn), phát hành L/C nội địa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh clinker và xi măng các loại. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau: thế chấp ô tô theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 5514181.01/HĐTC/VPB-SAISON ngày 25 tháng 01 năm 2021, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 2022-05/HĐTC/VPB-SAISON ngày 27 tháng 05 năm 2022, Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp số 2022-03/HĐTC/VPB-SS (số công chứng: 2194, quyền số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD) ngày 26 tháng 05 năm 2022, Sổ tiết kiệm/tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số BCLC-1397-HĐTC-01 ngày 10 tháng 11 năm 2023, bảo lãnh của ông Nguyễn Sỹ Tiếp theo hợp đồng bảo lãnh số 10.08.2020/HĐBL/VPB-SAISON ngày 19 tháng 08 năm 2020,...
- (c) Khoản vay ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam theo Hợp đồng vay số 35164/24MB/HĐTD ngày 25 tháng 12 năm 2024. Hạn mức cho vay là 60.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động sản xuất xi măng, clinker. Thời hạn duy trì hạn mức là 36 tháng đến ngày 25 tháng 12 năm 2027. Thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay của mỗi lần giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là các hợp đồng tiền gửi của Ông Nguyễn Sỹ Tiếp tại ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 274/2024/HĐTD/STY ngày 01 tháng 08 năm 2024. Giá trị hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất xi măng của Công ty. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất linh hoạt. Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không quá 08 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng cầm cố tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba số 01/2022/HĐBD/STY ngày 23 tháng 02 năm 2022; 471/2021/HĐBD/STY/01 ngày 20 tháng 12 năm 2021; 133/2022/HĐBD/STY ngày 03 tháng 08 năm 2022, ...
- (e) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng cho vay hạn mức số VN124017451/WBVN303 ngày 14 tháng 01 năm 2025. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và các chi phí khác. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2026. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là hợp đồng cầm cố sổ dư tiền gửi số VN124017451/HDCC/WBVN303 ngày 14 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ dài hạn	270.958.565.276	270.958.565.276	81.785.923.900	110.651.126.727	299.823.768.103	299.823.768.103
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	35.529.953.200	35.529.953.200	-	7.820.000.000	43.349.953.200	43.349.953.200
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam (b)	1.716.923.900	1.716.923.900	1.830.923.900	114.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Sỹ Tiệp (c)	161.227.478.375	161.227.478.375	2.615.000.000	639.329.679	159.251.808.054	159.251.808.054
- Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long (d)	72.484.209.801	72.484.209.801	77.340.000.000	102.077.797.048	97.222.006.849	97.222.006.849
Nợ dài hạn đến hạn trả	(16.096.000.000)	(16.096.000.000)			(15.640.000.000)	(15.640.000.000)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây	(15.640.000.000)	(15.640.000.000)			(15.640.000.000)	(15.640.000.000)
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam	(456.000.000)	(456.000.000)			-	-
Cộng	254.862.565.276	254.862.565.276			284.183.768.103	284.183.768.103
Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan (chi tiết thuyết minh VII.1)	233.711.688.176	233.711.688.176			256.473.814.903	256.473.814.903

(a) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Gói vay 100 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2020/2745062/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây. Mục đích vay để đầu tư hệ thống máy móc thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện 5MW. Thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất trong hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng này. Số dư vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Hợp đồng tín dụng số 02/2020/2745062/HĐTD ngày 28 tháng 09 năm 2020 là 32.799.953.200 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/2745062/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây với số tiền vay là 4.200.000.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư mua 01 xe ô tô con Porsche Panamera Platinum Edition mới 100%, sản xuất năm 2023, nhập khẩu Đức theo Hợp đồng bán xe số 233449 ký ngày 15 tháng 06 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và Công ty TNHH Xe hơi thể thao Uy Tín. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 9,5%/năm, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng này. Số dư vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Hợp đồng tín dụng số 02/2023/2745062/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2023 là 2.730.000.000 đồng.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng số 500/25MB/HĐTD ngày 13 tháng 02 năm 2025. Số tiền vay theo hợp đồng là 5.400.000.000 đồng, đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty đã vay là 1.830.923.900 đồng. Mục đích vay là để thanh toán/bù đắp chi phí đầu tư máy móc thiết bị để lắp đặt tại nhà xưởng. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Tài sản đảm bảo thế chấp là thiết bị máy ghi lạnh làm mát Clinker mới 100% xuất xứ Trung Quốc và tiền gửi (STK/HĐTG...) do ngân hàng phát hành/tiền ký quỹ tại ngân hàng.

(c) Khoản vay dài hạn ông Nguyễn Sỹ Tiếp theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/SS-NST ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa ông Nguyễn Sỹ Tiếp và Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Tiến độ vay được thực hiện như sau:

- Năm 2024: Ông Tiếp cam kết cho vay số tiền là 200.000.000.000 đồng tiến độ huy động tiền cùng thời điểm các khoản vay trung hạn của Công ty CP Xi măng Sài Sơn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây và ngân hàng SHB - Chi nhánh Hà Nam.
- Năm 2025: Ông Tiếp cam kết cho vay số tiền: 100.000.000.000 đồng.

Mục đích khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay là 60 tháng tính theo từng món vay mà bên ông Tiếp chuyển tiền vào tài khoản hoặc nộp tiền mặt tại quỹ Công ty. Lãi suất cho vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(d) Khoản vay Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long được thực hiện theo hợp đồng số 01/HĐVT/SS-HL ngày 01 tháng 04 năm 2022. Dư nợ vay tại mỗi thời điểm không quá số tiền là 300 tỷ đồng. Thời gian huy động đủ số tiền trên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mục đích khoản vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian vay là 60 tháng tính theo từng món vay được chuyển vào tài khoản Công ty. Lãi suất khoản vay là 8%/năm, tính từ thời điểm nhận tiền. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng số 01/HĐVT/SS-HL ngày 01 tháng 10 năm 2022, lãi suất khoản vay là 9%/năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	16.096.000.000	15.640.000.000
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	254.862.565.276	284.183.768.103
Cộng	270.958.565.276	299.823.768.103
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	16.096.000.000	15.640.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	254.862.565.276	284.183.768.103

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	578.390.000.000	7.405.713.000	59.383.458.551	1.811.263	35.858.836.354	681.039.819.168
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	12.496.713.356	12.496.713.356
Số dư đầu kỳ này	578.390.000.000	7.405.713.000	59.383.458.551	1.811.263	48.355.549.710	693.536.532.524
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.241.952.575	2.241.952.575
Số dư cuối kỳ này	578.390.000.000	7.405.713.000	59.383.458.551	1.811.263	50.597.502.285	695.778.485.099

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 02 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 578.390.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	441.809.510.000	76,4%	441.809.510.000	76,4%
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	48.066.470.000	8,3%	48.066.470.000	8,3%
Cổ đông khác	88.514.020.000	15,3%	88.514.020.000	15,3%
Cộng	578.390.000.000	100%	578.390.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	57.839.000	57.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.839.000	57.839.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.839.000	57.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.839.000	57.839.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

19. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (nay là thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai, thành phố Hà Nội) với mục đích xây dựng nhà máy xi măng Nam Sơn, làm Văn phòng Công ty,... Thời hạn thuê đất là 50 năm tính từ ngày 03 tháng 01 năm 2007 đến hết ngày 15 tháng 11 năm 2056 theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Tổng diện tích khu đất thuê là 163.156 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất clinker, xi măng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. DOANH THU THUẦN VÉ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	536.621.717.203	590.504.859.494
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	790.798.470	34.915.722.020
Doanh thu bán thành phẩm	535.830.918.733	555.589.137.474
Cộng	536.621.717.203	590.504.859.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	154.351.848
- Chiết khấu thương mại	-	154.351.848
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	536.621.717.203	590.350.507.646

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	790.798.470	34.550.622.747
Giá vốn bán thành phẩm	485.022.557.550	495.802.697.767
Cộng	485.813.356.020	530.353.320.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	18.796.861	4.558.474
Chênh lệch tỷ giá	-	27.406.593
Cộng	18.796.861	31.965.067

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	20.171.266.235	32.817.029.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.027.274.672	1.386.330.339
Cộng	21.198.540.907	34.203.359.663

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	772.610.943	601.310.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.405.799.237	3.210.062.278
Chi phí bằng tiền khác	71.698.757	96.948.762
Cộng	4.250.108.937	3.908.321.810

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.590.280	360.818.998
Chi phí nhân công	2.249.467.758	2.337.588.611
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.854.861.588	1.846.419.921
Thuế, phí và lệ phí	3.390.000	4.880.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.844.722	90.737.900
Chi phí khác bằng tiền	505.128.824	1.188.161.480
Lợi thế thương mại phân bổ	12.122.348.934	12.122.348.934
Cộng	17.590.632.106	17.950.956.244

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	182.982.958	287.575.105
Truy thu thuế	611.901.651	-
Lỗ thanh lý tài sản cố định	1.235.819.955	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	15.000.000
Các khoản khác	584.301.454	150.000.000
Cộng	2.615.006.018	452.575.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.172.870.080	3.513.939.377
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.235.036.062	1.297.925.104
Các khoản chi phí không được trừ	2.235.036.062	1.297.925.104
- Chi phí không được trừ	1.005.849.999	995.349.999
- Các khoản tiền phạt	1.229.186.063	302.575.105
Thu nhập chịu thuế	7.407.906.142	4.811.864.481
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.481.581.228	962.372.896
Thuế TNDN truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	1.449.336.277	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.930.917.505	962.372.896

9. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.241.952.575	2.551.566.481
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.241.952.575	2.551.566.481
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	57.839.000	57.839.000
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	39	44

(*) Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty chưa ước tính được quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng năm 2025 do điều lệ Công ty không quy định. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(**) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	377.577.952.987	326.002.273.966
Chi phí nhân công	15.506.993.097	17.111.556.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.113.668.048	49.832.457.803
Thuế phí và lệ phí	1.294.404.350	1.259.013.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.852.586.506	90.975.523.471
Chi phí khác bằng tiền	592.712.581	1.336.042.242
Lợi thế thương mại	12.122.348.934	12.122.348.934
Cộng	536.060.666.503	498.639.216.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp

Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long

Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long Hòa Bình

Ông Vương Đức Nhật

Ông Nguyễn Trí Chung

Bà Nguyễn Thu Hằng

Các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cá nhân là người thân cận của thành viên chủ chốt.

Mối quan hệ

Cổ đông lớn kiêm Chủ tịch HĐQT

Cổ đông lớn đồng thời ông Nguyễn Sỹ Tiệp
đang là chủ tịch HĐQT
của Sài Sơn và Xi măng Hoàng LongÔng Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch HĐQT
Công ty đồng thời là đại diện theo pháp luật
của Hoàng Long Hòa Bình

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng	450.216.175.066	402.753.227.046
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	450.216.175.066	402.753.227.046
Mua hàng	12.944.153.600	19.019.940.800
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	12.944.153.600	19.019.940.800
Tăng vay	79.955.000.000	146.250.288.100
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	2.615.000.000	88.430.288.100
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	77.340.000.000	57.820.000.000
Trả gốc vay	102.717.126.727	26.069.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	639.329.679	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	102.077.797.048	26.069.000.000
Trả lãi vay	24.784.102.952	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	24.784.102.952	-
Chi phí lãi vay phát sinh	3.106.776.468	3.521.703.464
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	3.106.776.468	3.521.703.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	76.567.927.561	43.348.642.522
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	76.567.927.561	43.348.642.522
Phải trả người bán dài hạn	20.470.718.048	16.791.032.160
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	20.470.718.048	16.791.032.160
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	233.711.688.176	256.473.814.903
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	161.227.478.375	159.251.808.054
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	72.484.209.801	97.222.006.849
Chi phí phải trả dài hạn	801.344.973	22.478.671.457
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Long	801.344.973	22.478.671.457

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	42.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	30.000.000	30.000.000
Ông Vương Đức Nhật	6.000.000	6.000.000
Bà Phan Thị Hải	6.000.000	6.000.000
Ban Giám đốc	257.048.000	270.000.000
Ông Vương Đức Nhật	92.016.000	104.000.000
Ông Nguyễn Trí Chung	92.016.000	100.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	73.016.000	66.000.000
Ban kiểm soát	15.000.000	15.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Na	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Thắng	4.500.000	4.500.000
Bà Phùng Thị Duyên	4.500.000	4.500.000
Cộng	314.048.000	327.000.000

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

Tiền thu đi vay theo khế ước thông thường: 494.318.400.965 đồng

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc theo khế ước thông thường: 409.518.990.524 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
Thôn Nam Sơn, xã Xuân Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc



Số: 44 /CV-CT
V/v: Giải trình CL LNST giữa BCTC kiểm toán
soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và báo cáo tự lập

Hà nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
Mã chứng khoán: SCJ
Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Xuân Mai, TP Hà nội.

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính do công ty tự lập cụ thể theo bảng chi tiết sau:

STT	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Ghi chú
1	Tăng giá vốn hàng bán trong kỳ	36.881.414	Điều chỉnh tăng chi phí sản xuất trong kỳ
2	Tăng chi phí tài chính	103.339.226	Điều chỉnh tăng chi phí lãi vay trong kỳ
3	Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	446.937.100	Giảm các khoản tiền chi phí quản lý trong kỳ
4	Giảm thu nhập khác	80.000.000	Phân loại lại chi phí quản lý và giảm thu nhập khác
5	Giảm chi phí khác	945.034.823	Phân loại lại chi phí quản lý và giảm chi phí khác
6	Tổng giá trị thay đổi lợi nhuận trước thuế	1.171.751.283	Tăng LN trước thuế
7	Thay đổi tăng thuế TNDN	1.482.779.569	
8	Thay đổi lợi nhuận sau thuế	311.028.286	Giảm LN sau thuế

*Giải thích lý do chi phí khác giảm nhiều:
Trong báo cáo tài chính 6 tháng tự lập chi phí khác của công ty chúng tôi là: 3.560.040.841 đồng. Trong báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm chi phí khác là: 2.615.006.018. Chênh lệch giảm: 945.034.823 bao gồm các khoản sau:



Nội dung	Báo cáo tự lập	Báo cáo soát xét	Chênh lệch giảm
1	2	3	4=3-2
Chi phí khác	3.560.040.841	2.615.006.018	945.034.823
Điều chỉnh chi phí khác bao gồm các khoản sau:			
1. Chi phí điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp sau thanh tra thuế	1.449.336.277	0	
2. Chi phí điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp sau thanh tra thuế	0	434.301.454	
3. Bù trừ chi phí và thu nhập từ thanh lý tài sản	80.000.000	0	
4. Các chi phí khác	0	150.000.000	
5. Tổng điều chỉnh chi phí khác	1.529.336.277	584.301.454	945.034.823

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty chúng tôi về chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính công ty tự lập kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật



Số: 45 /CV-CT

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế giữa báo cáo kiểm toán 6 tháng đầu năm 2025 và lợi nhuận sau thuế của báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm do đơn vị lập chênh lệch trên 5%.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Mã chứng khoán: SCJ

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Xuân Mai, TP Hà nội.

1. Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân LNST trên báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2025 lãi và LNST 6 tháng đầu năm 2025 chênh lệch 12,13% so với LNST 6 tháng đầu năm 2024 trên báo cáo kiểm toán như sau:

+ Lãi vay phải trả 6 tháng đầu năm 2025 giảm hơn rất nhiều so với lãi vay phải trả của 6 tháng đầu năm 2024. Tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2025 công ty chúng tôi điều chỉnh nộp tăng thuế thu nhập doanh nghiệp cho các kỳ trước. Thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 tăng 204,5% so với 6 tháng đầu năm 2024

2. Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân LNST trên báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2025 chênh lệch với LNST trên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm do đơn vị tự lập chênh lệch 12,18% như sau:

+ Trước kiểm toán công ty chúng tôi ghi nhận khoản điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp cho các kỳ trước vào chi phí khác trong kỳ, tuy nhiên sau khi kiểm toán công ty chúng tôi đã ghi nhận toàn bộ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp này vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành nên tăng dẫn tới có sự chênh lệch 12,18% giữa báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và báo cáo tự lập của doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn là đơn vị đã khẳng định được thương hiệu xi măng Sài Sơn và Nam Sơn trên thị trường, Công ty đã tìm mọi giải pháp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá bán để bán hết sản phẩm, tăng độ phủ trên thị trường, đảm bảo ổn định đời sống cho người lao động, nộp ngân sách nhà nước.

Chính vì vậy nên lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2025 lãi và chênh lệch 12,13% so với lợi nhuận trên báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2024 đồng thời LNST trên báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm



2025 chênh lệch với LNST trên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm do đơn vị tự lập chênh lệch 12,18%

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật

